

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2020

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H- ong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ph- ong Lan

2. Ông Nguyễn Văn Kiệt

- Th□ ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán— Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 253/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Hồng P, sinh năm 1990

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà X, Y, phường X, thành phố K, tỉnh N.

Nơi ở hiện nay: Số nhà A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, chị Phần có mặt, anh Bé vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2020 của nguyên đơn Lưu Hồng Phần, bản tự khai của các đ- ơng sự, phiên không hòa giải được ngày 09/7/2020, vụ án có nội dung nh- sau:

Vào năm 2008, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đ- ọc sự đồng ý của gia đình hai bên, chị Lưu Hồng P cùng anh Nguyễn Văn B tổ chức lễ c- ới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, chị P và anh B có 01 người con chung là cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 09/4/2009, hiện nay đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng, không có tài sản chung và không có nợ chung. Sau khi kết hôn với nhau, cuộc sống vợ chồng giữa chị P và anh B hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết đ- ọc và anh, chị đã ly thân gần 02 năm nay.

Chị Lưu Hồng P yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ- ọc ly hôn với anh Nguyễn Văn B.
 - Về con chung: Được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 09/4/2009 cho đến khi cháu Duy M tròn 18 tuổi, không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp d- ỡng nuôi con.
 - Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Tại bản tự khai đề ngày 28/7/2020, anh Nguyễn Văn B đồng ý với các yêu cầu, ý kiến của chị Lưu Hồng P.
- Tại phiên tòa, chị Lưu Hồng P vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2008, chị Lưu Hồng P cùng anh Nguyễn Văn B thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 22/5/2020, chị Lưu Hồng P có đơn khởi kiện yêu cầu đ- ọc ly hôn với anh Nguyễn Văn B và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa chị P và anh B; anh Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh K. Đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt anh Nguyễn Văn B tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số **53/2020/QĐXXST-HNGĐ**, ngày 20/8/2020 cho anh Nguyễn Văn B theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/7/2020 (BL 24), đ- ọc sự thống nhất **của chị Lưu Hồng P**, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn B theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Hồng P:

2.1. Về hôn nhân: Chị Lưu Hồng P và anh Nguyễn Văn B tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2008, có tổ chức lễ c- ới nh- ng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Lưu Hồng P và anh Nguyễn Văn B là hôn nhân không hợp pháp. Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị Lưu Hồng P và anh Nguyễn Văn B là quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Chị Lưu Hồng P và anh Nguyễn Văn B tự nguyện xác định là anh, chị có một người con chung là cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 09/4/2009 đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị P và anh B ly thân cho đến nay.

Xét rằng: Ngày 02/6/2020, cháu Nguyễn Duy M có nguyện vọng xin được ở với mẹ khi cha, mẹ ly hôn (BL 25). Nguyên vọng của cháu M phù hợp với yêu cầu của chị P, ý kiến của anh B. Để ổn định cuộc sống và tâm lý cho cháu Nguyễn Duy

M, Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu M, cho chị Lưu Hồng P được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d-ỡng, giáo dục cháu Nguyễn Duy M cho đến khi cháu Duy M tròn 18 tuổi.

2.3. Về cấp d-ỡng nuôi con: Do chị Lưu Hồng P không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Ng-ời trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để ng-ời không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Tr-ờng hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của ng-ời con, các đ-ơng sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp d-ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Lưu Hồng Phấn và anh Nguyễn Văn Bé không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lưu Hồng P.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th-ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Chị Lưu Hồng P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Lưu Hồng P phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Lưu Hồng P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002402, ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Lưu Hồng P không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 15, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th-ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lưu Hồng P và anh Nguyễn Văn B là quan hệ vợ chồng.

2- Về con chung: Cho chị Lưu Hồng P được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d-ỡng, giáo dục cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 09/4/2009 cho đến khi cháu Duy M tròn 18 tuổi; anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai đ-ợc quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lưu Hồng P không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí: Chị Lưu Hồng P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Lưu Hồng P phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Lưu Hồng P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002402, ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Lưu Hồng P không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2020), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ọc Bản án hoặc đ- ọc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h.Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu H- ơng